

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2019/DSPT
Ngày: 24/6/2019
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Công Đồng.

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tính.

Ông Nguyễn Đắc Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Hiền.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Viết Tuấn - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 24 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2019/TLPT – DS ngày 30/5/2019 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2019/DSST ngày 16/4/2019 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 74/2019/QĐ-PT ngày 04/6/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Ch: Bà Hoàng Thị L, sinh năm 1965; địa chỉ: số nhà X, đường H, phường K, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Xóm L, Khu X, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của chị H: Ông Vũ Văn D, sinh năm 1962; địa chỉ: Phường K, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. Đã chấm dứt việc đại diện theo ủy quyền. Vắng mặt.

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Chị Tạ Thị H1, sinh năm 1971; địa chỉ: Số A, đường H, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

Người kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên năm 2014, chị Ch có cho chị Tạ Thị H1 vay số tiền 300.000.000 đồng, khi chị Ch đòi, chị H1 không có tiền trả và nói với chị Ch là chị Nguyễn Thị H có nợ chị H1 số tiền 300.000.000 đồng nên chị H1 chuyển khoản nợ trên cho chị H nhận nợ với chị Ch. Chị Ch, chị H1 và chị H đều đồng ý nên ngày 01/11/2015, chị H viết giấy nhận nợ số tiền 300.000.000 đồng với chị Ch với nội dung: “H nhận nợ từ H1 Th sang nợ Ch 300.000.000 đồng”. Về thời hạn hai bên thỏa thuận miệng khi nào chị Ch cần số tiền trên thì chị H trả. Khi cần, chị Ch đã đòi nhiều lần nhưng đến ngày 13/2/2018 chị H mới trả chị Ch được 20.000.000 đồng. Sau đó, chị Ch đã liên tục đòi chị H nhưng chị H không trả. Nay chị Ch đề nghị Tòa án buộc chị H phải có trách nhiệm trả cho chị số tiền 280.000.000 đồng, chị không yêu cầu lãi suất.

Bị đơn là chị H trình bày:

Chị có vay của chị H1 số tiền là 300.000.000 đồng, sau đó chị H1 có chuyển khoản nợ này cho chị phải có trách nhiệm trả cho chị Ch. Chị đã nhận trách nhiệm trả 300.000.000 đồng với chị Ch theo phương thức trả dần, không thỏa thuận lãi suất và có thỏa thuận miệng với nhau là sau 4 năm mới trả, chị Ch đồng ý thì chị mới nhận nợ thay cho chị H1. Tháng 2/2018, chị đã trả chị Ch 20.000.000 đồng. Hiện nay còn nợ 280.000.000 đồng, chị xin được trả dần.

Quá trình tòa án giải quyết, tại biên bản hòa giải thành ngày 26/2/2019 chị H đồng ý trả cho chị Ch số tiền 280.000.000 đồng. Ngày 4/3/2019 chị H có đơn đề nghị không đồng ý với biên bản hòa giải thành ngày 26/2/2019 và có đơn đề nghị thay đổi lời khai với nội dung số tiền 300.000.000 đồng chị H nợ chị H1 là tiền nhập hàng chứ không phải tiền vay nên phải chờ chị bán được hàng chị mới có tiền

trả và sẽ trả dần, nếu không đồng ý cho chị trả dần thì chị không nhận nợ chị Ch hộ chị H1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Tạ Thị H1 trình bày: Do có quan hệ làm ăn buôn bán nên chị có vay của chị Ch số tiền 300.000.000 đồng và chị H vay của chị 300.000.000 đồng. Do chị H và chị Ch cùng ở Bắc Ninh nên để tiện cho việc trả nợ, chị, chị Ch và chị H thỏa thuận chuyển khoản nợ 300.000.000 đồng mà chị nợ chị Ch cho chị H. Như vậy, chị H có trách nhiệm trả chị Ch số tiền 300.000.000 đồng, chị Ch và chị H đồng ý và chị H đã viết giấy nhận nợ với chị Ch. Chị khẳng định số tiền 300.000.000 đồng chị chuyển nợ cho chị H là tiền chị H vay chị chứ không phải tiền hàng, khi thỏa thuận thì các bên chỉ thỏa thuận việc chuyển nợ chứ không thỏa thuận về phương thức trả. Nay chị xác định không còn liên quan gì nữa, chị H đồng ý nhận nợ và ký giấy nhận nợ với chị Ch thì chị H phải có trách nhiệm trả nợ chị Ch. Bởi vậy, chị xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và xét xử.

Với nội dung trên, Bản án sơ thẩm số: 06/2019/DSST ngày 16/4/2019 của Tòa án nhân dân thành phố B đã áp dụng: các điều 370, 463, 466, 469 Bộ luật dân sự; các điều 147, 235, 264, 266 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ch. Buộc chị Nguyễn Thị H phải trả cho chị Ch số tiền 280.000.000 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi án sơ thẩm xử, ngày 26/4/2019 chị Nguyễn Thị H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Ch giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Bị đơn là chị Nguyễn Thị H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và vẫn cho rằng chị nợ chị H1 là tiền nhập hàng chứ không phải tiền vay nên phải chờ chị bán được hàng chị mới có tiền trả và sẽ trả dần chị Ch.

Các đương sự không hòa giải, thỏa thuận được với nhau về việc trả nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến phần tranh luận tại phiên tòa là đảm bảo

đúng trình tự pháp luật quy định. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là chị Nguyễn Thị H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thấy:

- *Về tố tụng*: Việc thực hiện các qui định của Hội đồng xét xử, kiểm sát viên, thư ký phiên tòa ở giai đoạn xét xử sơ thẩm tới tại phiên tòa hôm nay là đúng qui định.

- *Về nội dung*:

Thứ nhất: Trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án sơ thẩm và tại phiên tòa hôm nay, chị Ch, chị H, chị H1 đều thừa nhận: Ngày 01/11/2015, các chị đã thống nhất thỏa thuận: Chị H1 chuyển giao nghĩa vụ trả nợ 300.000.000 đồng đối với chị Ch cho chị H, chị H nhận nghĩa vụ trả nợ số tiền 300.000.000 đồng đối với chị Ch. Do vậy, chị H có viết giấy nhận nợ cho chị Ch với nội dung: “H nhận nợ từ H1 Th sang nợ Ch 300.000.000 (Ba trăm triệu đồng)” (BL: 05). Giấy nhận nợ không thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả. Việc thỏa thuận này của các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 315 Bộ luật dân sự 2005 cũng như Điều 370 Bộ luật dân sự 2015. Như vậy, người thế nghĩa vụ là chị H trở thành người có nghĩa vụ. Sau khi nhận nghĩa vụ trả nợ đối với chị Ch, ngày 13/2/2018, chị H đã trả chị Ch được 20.000.000 đồng và còn nợ chị Ch là 280.000.000 đồng.

Thứ hai: Đối với việc chị H cho rằng số tiền chị nợ chị H1 là tiền nhập hàng chứ không phải tiền vay, Hội đồng xét xử thấy: Tại giai đoạn xét xử sơ thẩm cũng như phiên tòa hôm nay, chị H không xuất trình được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày trên của mình. Hơn nữa, chị H1 cũng đã có lời khai trình bày và xác định số tiền 300.000.0000 đồng là chị H vay của chị chứ không phải là tiền nhập hàng như lời trình bày của chị H (BL 47,47). Do vậy, việc chị H cho rằng số tiền chị nợ chị H1 là tiền nhập hàng chứ không phải tiền vay là không có căn cứ.

Thứ ba: Về lãi suất, tại đơn khởi kiện ban đầu, nguyên đơn là chị Ch có yêu cầu lãi suất nhưng sau đó chị Ch đã rút yêu cầu này nên việc bản án sơ thẩm không xem xét về lãi suất là phù hợp.

Thứ tư: Về thời hạn trả nợ, chị H cho rằng chị và chị Ch có thỏa thuận miệng về việc chị sẽ trả dần khoản nợ này cho chị Ch sau 04 năm nhưng chị không có căn

cứ gì chứng minh cho việc này. Xét thấy, tại giấy nhận nợ ngày 01/11/2015, các bên không thỏa thuận về thời hạn trả nợ nên chị Ch có quyền đòi chị H bất cứ lúc nào nhưng phải báo cho chị H trước một thời gian. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, chị H cũng thừa nhận ngày 13/2/2018, trước khi chị Ch khởi kiện ra Tòa án, chị đã trả chị Ch được 20.000.000 đồng. Như vậy, có căn cứ xác định chị Ch đã báo trước cho chị H nhưng chị H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ của mình nên chị Ch có quyền khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc chị H phải trả nợ.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy bản án sơ thẩm buộc chị H phải có trách nhiệm trả chị Ch số tiền 280.000.000 đồng là có căn cứ. Vì vậy, cần bác kháng cáo của chị Nguyễn Thị H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí: Do kháng cáo của chị H không được chấp nhận nên chị phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 370, 463, 466, 469, 688 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ch. Buộc chị Nguyễn Thị H có nghĩa vụ phải trả cho chị Nguyễn Thị Ch số tiền 280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng).

2. Về án phí:

- Chị Nguyễn Thị H phải chịu 14.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận chị H đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu số: AA/2018/0001787 ngày 26/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

- Trả lại chị Nguyễn Thị Ch 9.771.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai thu số: AA/2018/0001591 ngày 09/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án bên phải thi hành còn phải chịu lãi suất theo lãi suất được quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp quyết định, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND thành phố B
- Chi cục THADS thành phố B;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa